

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số : 09/2009/TT-BCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2009

THÔNG TƯ

về việc nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan năm 2009 với thuế suất thuế nhập khẩu 0% đối với hàng hoá có xuất xứ từ Lào

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Bản Thoả thuận giữa Bộ Thương mại CHXHCN Việt Nam và Bộ Thương mại CHDCND Lào về các mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Việt-Lào, ký ngày 28 tháng 7 năm 2005;

Căn cứ Bản Thoả thuận giữa Bộ Công Thương CHXHCN Việt Nam và Bộ Công Thương CHDCND Lào về việc điều chỉnh và bổ sung Bản Thoả thuận giữa Bộ Thương mại CHXHCN Việt Nam và Bộ Thương mại CHDCND Lào về các mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Việt-Lào ký ngày 17 tháng 01 năm 2009;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 768/VPCP-QHQT ngày 06 tháng 02 năm 2009 về việc ký thoả thuận ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Việt-Lào;

Bộ Công Thương quy định việc nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan năm 2009 với thuế suất thuế nhập khẩu 0% đối với hàng hoá có xuất xứ từ Lào như sau:

Điều 1. Áp dụng hạn ngạch thuế quan năm 2009 đối với hai nhóm mặt hàng nhập khẩu có xuất xứ từ Lào gồm: thóc và gạo các loại, lá và cọng thuốc lá được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu bằng 0% (không phần trăm). Thuế suất thuế nhập khẩu bằng 0% được áp dụng đối với các tờ khai hải quan hàng hoá nhập khẩu đăng ký với cơ quan Hải quan từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Điều 2. Mã số hàng hoá và tổng lượng hạn ngạch thuế quan của các nhóm mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu bằng 0% theo Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Thương nhân Việt Nam được nhập khẩu các mặt hàng thóc và gạo các loại theo hạn ngạch thuế quan. Đối với lá và cọng thuốc lá, chỉ những thương nhân có giấy phép nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu theo hạn ngạch thuế quan do Bộ Công Thương cấp theo quy định tại Thông tư số 04/2006/TT-BTM ngày 06 tháng 4 năm 2006 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) mới được phép nhập khẩu; Số lượng nhập khẩu tính trừ vào hạn ngạch thuế quan nhập khẩu theo giấy phép do Bộ Công Thương cấp.

Điều 4. Hàng hoá nhập khẩu nêu tại Điều 1 Thông tư này phải có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá mẫu S (C/O form S) do cơ quan thẩm quyền của CHDCND Lào cấp theo quy định và được thông quan qua các cặp cửa khẩu nêu tại Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư

này. Thủ tục nhập khẩu hàng hoá giải quyết tại hải quan cửa khẩu nơi làm thủ tục nhập khẩu hàng hoá theo nguyên tắc trừ lùi tự động (tổng lượng hàng nhập khẩu được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt trừ đi số lượng nhập khẩu của từng mặt hàng).

Điều 5. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký và hết hiệu lực sau ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư này thay thế Thông tư số 04/2009/TT-BCT ngày 20 tháng 02 năm 2009 hướng dẫn việc nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan năm 2009 với thuế suất thuế nhập khẩu 0% đối với hàng hoá có xuất xứ từ Lào.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng TW và Ban Kinh tế TW;
- Viện KSND tối cao;
- Tòa án ND tối cao;
- Cơ quan TW của các Đoàn thể;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản);
- Công báo;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Công Thương;
- Các Sở Công Thương;
- Bộ Công Thương: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc;
- Lưu : VT, XNK.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
(đã ký)**

Nguyễn Thành Biên

**MÃ SỐ HÀNG HOÁ VÀ TỔNG LƯỢNG HẠN NGẠCH THUẾ QUAN
NHẬP KHẨU TỪ LÀO NĂM 2009**

(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BCT
ngày 12 tháng 5 năm 2009 của Bộ Công Thương)

TÊN HÀNG	MÃ SỐ HÀNG HOÁ	TỔNG LƯỢNG HẠN NGẠCH NĂM 2009	GHI CHÚ
I- Thóc và gạo các loại			
Thóc loại khác	1006.10.00.90		
Gạo đã xát toàn bộ, hoặc sơ bộ, đã hoặc chưa đánh bóng hạt hoặc hồ, loại nguyên hạt		40.000 tấn quy gạo	Tỷ lệ quy đổi: 2 thóc = 1,2 gạo
Gạo đã xát toàn bộ, hoặc sơ bộ, đã hoặc chưa đánh bóng hạt hoặc hồ, loại không quá 5% tấm			
Gạo đã xát toàn bộ, hoặc sơ bộ, đã hoặc chưa đánh bóng hạt hoặc hồ, loại trên 5% đến 10% tấm	1006.30.19.00		
Gạo đã xát toàn bộ, hoặc sơ bộ, đã hoặc chưa đánh bóng hạt hoặc hồ, loại trên 10% đến 25% tấm			
Gạo đã xát toàn bộ, hoặc sơ bộ, đã hoặc chưa đánh bóng hạt hoặc hồ, loại khác			
Gạo nếp đã xát toàn bộ, hoặc sơ bộ, đã hoặc chưa đánh bóng hạt hoặc hồ	1006.30.30.00		
Gạo Thai Hom Mali đã xát toàn bộ, hoặc sơ bộ, đã hoặc chưa đánh bóng hạt hoặc hồ, loại nguyên hạt		1006.30.90.00	
Gạo Thai Hom Mali đã xát toàn bộ, hoặc sơ bộ, đã hoặc chưa đánh bóng hạt hoặc hồ, loại không quá 5% tấm			
Gạo Thai Hom Mali đã xát toàn bộ, hoặc sơ bộ, đã hoặc chưa đánh bóng hạt hoặc hồ, loại trên 5% đến 10% tấm			
Gạo Thai Hom Mali đã xát toàn bộ, hoặc sơ bộ, đã hoặc chưa đánh bóng hạt hoặc hồ, loại trên 10% đến 25% tấm			
Gạo Thai Hom Mali đã xát toàn bộ, hoặc sơ bộ, đã hoặc chưa đánh bóng hạt hoặc hồ, loại khác			
II- Lá và cọng thuốc lá		3.000 tấn	
Lá thuốc lá chưa tước cọng, loại Virginia đã sấy bằng không khí nóng	2401.10.10.00		
Lá thuốc lá chưa tước cọng, loại Virginia	2401.10.20.00		

chưa sấy bằng không khí nóng			
Lá thuốc lá chưa tước cọng, loại khác, đã sấy bằng không khí nóng	2401.10.30.00		
Lá thuốc lá chưa tước cọng, loại khác, chưa sấy bằng không khí nóng	2401.10.90.00		
Lá thuốc lá đã tước cọng một phần hoặc toàn bộ, loại Virginia đã sấy bằng không khí nóng	2401.20.10.00		
Lá thuốc lá đã tước cọng một phần hoặc toàn bộ, loại Burley	2401.20.40.00		
Cọng lá thuốc lá	2401.30.10.00		

Phụ lục số 02

DANH SÁCH CÁC CẶP CỬA KHẨU
(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BCT
ngày 12 tháng 5 năm 2009 của Bộ Công Thương)

TT	Phía Việt Nam	Phía Lào
1	Na Mèo (Thanh Hóa)	Nậm Xôi (Hủa Phăn)
2	Nậm Cấn (Nghệ An)	Nậm Cấn (Xiêng Khoảng)
3	Câu Treo (Hà Tĩnh)	Nậm Phao (Bolikhāmxay)
4	Cha Lo (Quảng Bình)	Na Phàu (Khăm Muôn)
5	Lao Bảo (Quảng Trị)	Đen Sa vẳn (Savannakhet)
6	Tây Trang (Điện Biên)	Sốp Hùn (Phong Salỳ)
7	Chiềng Khương (Sơn La)	Bản Đán (Hủa Phăn)
8	Lóng Sập (Sơn La)	Pa Háng (Hủa Phăn)
9	La Lay (Quảng Trị)	La Lay (Salavăn)
10	Bờ Y (Kon Tum)	Phu Ca (Attapư)
11	Tén Tân (Thanh Hóa)	Sỏm Vẳn (Hủa Phăn)
12	Thanh Thủy (Nghệ An)	Nậm On (Bolikhāmxay)
13	Ka Ròng (Quảng Bình)	Noỏng Mạ (Khăm Muôn)